

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MAI SƠN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 01 tháng 8 năm 2022  
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung và nợ chung của vợ  
chồng khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tráng A Tênh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Dền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 ngày 02 ngày 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Cà Thị V, sinh năm 2002. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Bản M2, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị V trình bày như sau:*

Về tình cảm, anh chị kết hôn từ năm 2020, có đi đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2020 do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi hết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T uống rượu say về không làm chủ được hành vi, đánh đập

chửi mắng chị. Từ đó vợ chồng lời qua tiếng lại, anh T xúc phạm chị và gia đình chị nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hai bên đã được gia đình hòa giải nhưng không thành nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã ly thân được khoảng 11 tháng. Nay chị xác định không thể cố gắng chung sống với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 03/09/2020. Trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu ở với chị. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Chị xác nhận hai bên tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, có nguyện vọng nuôi con và đề nghị anh T cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000VNĐ.

*Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:*

Về tình cảm, anh xác định anh và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cùng với gia đình bố mẹ tại bản B, xã M. Trong thời gian hôn nhân, anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra xô sát lời qua tiếng lại, có 01 lần anh say rượu nên vợ chồng cãi cọ nhau. Chị V đã bỏ về nhà bố mẹ sống từ tháng 6/2021 đến nay. Anh và gia đình đã nhiều lần đón nhưng chị V không về. Nay chị V có đơn xin ly hôn, anh cần thời gian suy nghĩ thêm vì con còn nhỏ.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 03/09/2020. Hiện tại cháu đang ở với mẹ. Trong thời gian ly thân, anh xuống thăm cháu nhưng chị V ngăn cản không cho thăm nom. Nếu chị V cương quyết ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Hiện tại, anh đang làm nghề lái xe nên hoàn toàn có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh T và chị V tại Ban quản lý Bản C, xã M và đại diện gia đình anh T.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Cà Thị V và anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 03/09/2020 cho chị Cà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 1.000.000VNĐ/tháng. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với anh Hoàng Văn T có nơi cư trú tại Bản Bom Cưa, xã M, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T.

#### **[2] Về yêu cầu xin ly hôn:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Chị Cà Thị V và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau từ năm 2020 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND **xã M, huyện Mai Sơn** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày **25/9/2020**. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh T uống rượu say đánh chị và xúc phạm chị cùng gia đình chị, tình cảm vợ chồng sút mẻ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án

giải quyết ly hôn. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, đôi khi có cãi cọ. Nay chị V xin ly hôn, anh cần có thời gian suy nghĩ vì thương con còn nhỏ. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình anh T và ban quản lý Bản thể hiện anh T và chị V hiện đang sống ly thân. Vấn đề mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh T không có mặt. Bản thân anh T không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị V cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị V đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Cà Thị V và anh Hoàng Văn T.

[2.2] *Về con chung*: Chị V và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 03/09/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, đến thời điểm xét xử, cháu Đức D được 23 tháng, chưa đủ 36 tháng tuổi. Hiện tại chị V đang sống tại Bản Mé Mòn, xã Mường Bằng cùng gia đình bố mẹ đẻ, có nơi cư trú ổn định, có người hỗ trợ việc chăm nom con. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Hoàng Đức D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị V đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.000.000VNĐ. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T xác nhận, anh làm công việc lái xe, thu nhập khoảng 10.000.000VNĐ/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, để quyền lợi mọi mặt của con chung dưới 36 tháng, cần buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 1.000.000VNĐ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D trưởng thành.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và gia đình cho rằng chị V ngăn cản việc thăm nom con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì vậy, sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị V và anh T đều xác nhận không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cà Thị V và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức D, sinh ngày 03/09/2020 cho chị Cà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Buộc anh Hoàng Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 1.000.000VNĐ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị V và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì các đương sự được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Chị Cà Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001613 ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Tráng A Ténh**

